

Số: 836/2023/CV-VNG

V/v: giải trình chênh lệch lỗ sau thuế
TNDN trước và sau kiểm toán

Tp. HCM, ngày 29 tháng 05 năm 2023

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

- Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần VNG (“VNG/Công ty”)
- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần VNG
- Mã chứng khoán: VNZ
Trụ sở chính: Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
- Nội dung:
VNG xin được giải trình về việc chênh lệch lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán, chi tiết như sau:

Báo cáo tài chính hợp nhất:

VND

Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán
Lỗ sau thuế TNDN	(1.315.437.108.227)	(1.533.916.956.516)

Nguyên nhân:

Lỗ sau thuế TNDN trên báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán tăng so với trước kiểm toán, chủ yếu do Công ty ghi nhận thêm các khoản chi phí liên quan đến thuế, tài sản cố định vô hình và dự phòng cho các hoạt động đầu tư tài chính.

Công ty Cổ phần VNG giải trình đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và Quý cổ đông được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRẦN VĂN KHÁNH GIANG

Công ty Cổ phần VNG

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần VNG

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 59

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VNG (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- nghiên cứu và phát triển phần mềm; sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm
- điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- quảng cáo trực tuyến;
- thương mại điện tử;
- sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi và thiết bị viễn thông;
- dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ viễn thông khác không có hạ tầng mạng, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quản lý theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Sỹ Nhân Ông Lê Hồng Minh	Chủ tịch Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023 miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Vương Quang Khải Bà Christina Gaw Ông Edphawin Jetjirawat Ông Nguyễn Lê Quốc Anh	Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên	bổ nhiệm ngày 9 tháng 12 năm 2022 bổ nhiệm ngày 9 tháng 12 năm 2022 bổ nhiệm ngày 9 tháng 12 năm 2022 từ nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2023
Ông Bryan Fredric Pelz Ông Vũ Việt Sơn Bà Jung Won Byun	Thành viên Thành viên Thành viên	miễn nhiệm ngày 9 tháng 12 năm 2022 miễn nhiệm ngày 9 tháng 12 năm 2022 miễn nhiệm ngày 9 tháng 12 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang Bà Trương Thị Thanh Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Trưởng ban Thành viên Thành viên Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 10 năm 2022 miễn nhiệm ngày 24 tháng 10 năm 2022
--	--	--

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh Ông Vương Quang Khải	Tổng Giám đốc Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao	
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc Công nghệ	
Ông Wong Kelly Yin Hon	Phó Tổng Giám đốc Khối Trò chơi Trực tuyến	
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 22 tháng 2 năm 2022
Ông Abhishek Mathur	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự	miễn nhiệm ngày 29 tháng 12 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần VNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 5 năm 2023



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 11537012/66784404-VAS-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần VNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần VNG (“Công ty”) và các công ty con (“Tập đoàn”) được lập ngày 29 tháng 5 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 59, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1



Dương Phúc Kiên
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN Kiểm toán
Số: 4613-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 5 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.862.757.122.377	7.278.719.992.772
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	2.629.077.198.459	2.467.527.015.552
111	1. Tiền		2.113.902.916.018	1.291.172.015.552
112	2. Các khoản tương đương tiền		515.174.282.441	1.176.355.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		445.497.043.140	2.579.620.738.189
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	445.497.043.140	2.579.620.738.189
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.248.467.602.906	1.808.648.452.723
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	558.237.938.224	486.578.274.386
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	321.175.261.959	312.854.995.903
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	371.906.020.502	1.011.275.911.024
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(2.851.617.779)	(2.060.728.590)
140	IV. Hàng tồn kho	9	88.837.768.006	118.189.096.189
141	1. Hàng tồn kho		89.952.586.092	119.848.349.026
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.114.818.086)	(1.659.252.837)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		450.877.509.866	304.734.690.119
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	208.510.553.037	177.368.523.730
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	18	222.699.369.193	110.545.296.913
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	19.667.587.636	16.820.869.476
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.036.958.040.578	1.958.871.058.870
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		15.153.728.062	16.624.687.889
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	15.153.728.062	16.624.687.889
220	II. Tài sản cố định		1.197.924.803.429	1.045.125.751.682
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	978.190.988.169	839.303.828.345
222	Nguyên giá		2.174.440.745.558	1.906.585.181.393
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.196.249.757.389)	(1.067.281.353.048)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	219.733.815.260	205.821.923.337
228	Nguyên giá		868.093.730.225	776.609.633.045
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(648.359.914.965)	(570.787.709.708)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.038.718.554.484	211.820.792.478
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.038.718.554.484	211.820.792.478
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.458.773.399.246	398.785.429.726
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14.1	1.174.518.367.238	277.055.344.869
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.2	286.612.032.008	121.730.084.857
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.357.000.000)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		326.387.555.357	286.514.397.095
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	268.689.047.771	239.399.049.342
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	2.843.345.891	37.683.549.532
269	3. Lợi thế thương mại	15	54.855.161.695	9.431.798.221
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.899.715.162.955	9.237.591.051.642

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.785.127.885.393	2.913.917.807.118
310	I. Nợ ngắn hạn		2.785.961.837.622	2.375.424.791.707
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	926.832.177.126	782.293.664.276
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	24.708.318.560	32.298.150.537
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	114.080.387.112	99.870.500.657
314	4. Phải trả người lao động		11.690.467.406	9.500.107.230
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	909.646.576.123	956.593.178.502
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	79.778.183.374	55.303.726.511
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	674.822.616.913	439.565.463.994
320	8. Vay ngắn hạn	22	44.403.111.008	-
330	II. Nợ dài hạn		999.166.047.771	538.493.015.411
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	246.635.674	217.419.674
338	2. Vay dài hạn	22	399.627.999.020	174.125.000.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.3	585.833.683.884	352.174.014.239
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	23	13.457.729.193	11.976.581.498
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.114.587.277.562	6.323.673.244.524
410	I. Vốn chủ sở hữu		5.114.587.277.562	6.323.673.244.524
411	1. Vốn cổ phần	24.1	358.442.620.000	358.442.620.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		358.442.620.000	358.442.620.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	783.503.561.013	1.133.299.050.771
415	3. Cổ phiếu quỹ	24.1	(1.264.419.931.578)	(1.943.352.107.086)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	9.835.765.373	7.691.797.322
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	5.092.951.627.944	6.648.278.361.893
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		6.170.095.251.914	6.234.217.770.082
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(1.077.143.623.970)	414.060.591.811
429	6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	25	134.273.634.810	119.313.521.624
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.899.715.162.955	9.237.591.051.642

nh

Đỗ Thị Tuyết Nhung
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	7.800.524.774.926	7.649.059.991.478
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27, 31	(4.363.495.796.170)	(4.105.496.321.001)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.437.028.978.756	3.543.563.670.477
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	135.699.733.451	228.206.326.170
22	5. Chi phí tài chính	28	(26.328.270.302)	(28.301.654.599)
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết	14.1	(181.213.508.024)	(8.011.478.194)
25	7. Chi phí bán hàng	29, 31	(2.727.839.104.351)	(2.361.349.122.052)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29, 31	(1.578.943.163.656)	(1.112.078.734.564)
30	9. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(941.595.334.126)	262.029.007.238
31	10. Thu nhập khác	30	23.511.114.336	13.157.524.189
32	11. Chi phí khác	30	(200.491.358.789)	(19.807.238.329)
40	12. Lỗ khác	30	(176.980.244.453)	(6.649.714.140)
50	13. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.118.575.578.579)	255.379.293.098
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(146.841.504.651)	(114.482.103.939)
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	32.3	(268.499.873.286)	(211.896.317.663)
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(1.533.916.956.516)	(70.999.128.504)
61	17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(1.077.143.623.970)	414.060.591.811
62	18. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	25	(456.773.332.546)	(485.059.720.315)
70	19. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	34	(41.509)	16.110
71	20. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	34	(41.509)	15.084

nh

Đỗ Thị Tuyết Nhung
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 5 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(1.118.575.578.579)	255.379.293.098
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao, hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	11, 12, 15	443.297.414.453	325.985.789.839
03	Các khoản dự phòng		203.574.019.685	667.639.857
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(9.064.642.011)	17.233.278
05	Lỗ (lãi) từ hoạt động đầu tư		72.766.842.388	(176.711.522.762)
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(408.001.944.064)	405.338.433.310
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		629.588.258.990	(810.387.693.332)
10	Giảm hàng tồn kho		29.895.762.934	6.465.370.807
11	Tăng các khoản phải trả		25.921.341.861	813.905.621.409
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(60.432.027.736)	59.586.940.482
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(139.930.018.518)	(121.715.112.425)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		77.041.373.467	353.193.560.251
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.386.275.046.761)	(375.887.064.918)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		11.256.937.796	179.090.909
23	Tiền chi thuần gửi kỳ hạn ngân hàng		-	(530.438.284.764)
24	Tiền thu thuần gửi kỳ hạn ngân hàng		2.134.123.695.049	-
25	Tiền chi đầu tư vào đơn vị khác		(1.258.182.528.547)	(145.630.249.520)
26	Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác		20.706.369.477	-
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		145.898.434.019	214.478.501.057
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(332.472.138.967)	(837.298.007.236)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát và tiền từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		162.841.939.003	286.607.421.350
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu		(18.595.220.000)	(4.628.052.000)
33	Tiền thu từ đi vay	22	269.906.110.028	174.125.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		414.152.829.031	456.104.369.350

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		158.722.063.531	(28.000.077.635)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.467.527.015.552	2.495.544.326.463
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ		2.828.119.376	(17.233.276)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	2.629.077.198.459	2.467.527.015.552



Đỗ Thị Tuyết Nhung
Người lập



Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 5 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- nghiên cứu và phát triển phần mềm; sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- quảng cáo trực tuyến;
- thương mại điện tử;
- sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi và thiết bị viễn thông;
- dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ viễn thông khác không có hạ tầng mạng, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quản lý theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.885 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3.557 người).

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi một (21) công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
I. Công ty con trực tiếp						
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na ("VinaData")	99,94%	99,94%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI")	100,00%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông	Đang hoạt động
3.	Công ty TNHH VNG Online ("VNG Online")	100,00%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ cổng thông tin và sản xuất phần mềm các loại	Đang hoạt động
4.	Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na ("Vinanet")	99,50%	99,50%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông	Đang hoạt động
5.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG ("VNGS")	100,00%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
6.	Công ty TNHH Giải trí Long Đình ("Long Đình")	100,00%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần Zion ("Zion")	69,98%	69,98%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán	Đang hoạt động
8.	Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam ("ZPS")	100,00%	100,00%	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
9.	Công ty Cổ phần A4B ("A4B")	69,80%	69,80%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
10.	Quỹ Kiến tạo ước mơ ¹ ("DMF")	100,00%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động từ thiện	Đang hoạt động

¹ Tên trước đây là Quỹ từ thiện cộng đồng người sử dụng Internet Việt Nam ("VNIF")

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi một (21) công ty con gián tiếp như sau: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
I. Công ty con trực tiếp (tiếp theo)						
11.	Công ty TNHH Verichains ("Verichains")	100,00%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
12.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VTH ("VTH") (*)	100,00%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cho thuê văn phòng	Trước hoạt động
II. Công ty con gián tiếp						
1.	Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh ("Minh Phương Thịnh")	100,00%	100,00%	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
2.	Công ty TNHH VNG Data Center ("VNG DC") (*)	99,94%	100,00%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
3.	VNG Singapore Pte. Ltd. ("VNG Singapore")	99,94%	100,00%	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi	Đang hoạt động
4.	VNG Myanmar Company Limited ("VNG Myanmar")	99,94%	100,00%	Thành phố Yangon, Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
5.	MLT Hong Kong Limited ("MLT HK") (*)	100,00%	100,00%	Hong Kong	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
6.	VNG Games Co., Ltd ("VNG Games")	99,94%	100,00%	Thành phố Bangkok, Thái Lan	Phát triển và cập nhật game online và game trên điện thoại	Đang hoạt động

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi một (21) công ty con gián tiếp như sau: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)						
7.	Công ty Cổ phần XFM ("XFM")	99,98%	99,98%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
8.	ZingPlay International Pte. Ltd. ("ZPI")	99,94%	100,00%	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn ("Thanh Sơn")	69,98%	100,00%	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông	Đang hoạt động
10.	Công ty Cổ phần Adtima ("Adtima")	99,999%	99,999%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
11.	Công ty Cổ phần Fiza ("Fiza")	99,997%	99,998%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
12.	Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")	79,95%	80,00%	Singapore	Tư vấn công nghệ thông tin và dịch vụ lưu trữ	Đang hoạt động
13.	Công ty Cổ phần Mixus ("Mixus")	99,93%	99,93%	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
14.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd ("KMZ") ² (*)	99,94%	100,00%	Trung Quốc	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
15.	Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG") (*)	100,00%	100,00%	Singapore	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Trước hoạt động
16.	Instantiapay Holdings Pte. Ltd. ("Instpay Holco") (*)	100,00%	100,00%	Singapore	Hoạt động đầu tư	Trước hoạt động

² Tên trước đây là VNG Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd.

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi một (21) công ty con gián tiếp như sau: (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)						
17.	Instantiapay SG Pte. Ltd. ("Instpay SG") (*)	100,00%	100,00%	Singapore	Dịch vụ chuyển tiền và dịch vụ tài chính khác	Trước hoạt động
18.	Instantiapay Pty Ltd ("Instpay AU") (*)	100,00%	100,00%	Australia	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
19.	Instantiapay Limited (United Kingdom) ("Instpay UK") (*)	100,00%	100,00%	United Kingdom	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
20.	Instantiapay Limited (Hongkong) ("Instpay HK") (*)	100,00%	100,00%	Hong Kong	Dịch vụ tài chính	Trước hoạt động
21.	VNG Investment Pte. Ltd. ("VNG Investment") (*)	100,00%	100,00%	Singapore	Phát triển và kinh doanh phần mềm, thiết bị và phụ tùng máy tính và các dịch vụ liên quan đến phần mềm	Trước hoạt động

(*) Các công ty trên đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu kinh doanh chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Khu Chế Xuất Tân Thuận Đông số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong thời hạn 28 năm và số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 trong thời hạn 25 năm và theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký với Công ty TNHH Mtex (Việt Nam) vào ngày 8 tháng 6 năm 2020 cho thời hạn thuê 21 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản khác	2 - 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong năm. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Tập đoàn đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- ▶ Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Tập đoàn dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Tập đoàn có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- ▶ Tài sản vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- ▶ Tập đoàn có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- ▶ Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ

Tập đoàn ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình hình thành từ việc hợp nhất kinh doanh

Giá gốc của tài sản cố định vô hình hình thành từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản (8 - 10 năm).

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc và bao gồm:

Trò chơi và phần mềm dở dang

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản dở dang

Tài sản dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc mua sắm tài sản và xây dựng dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt thiết bị và các chi phí phát sinh trực tiếp khác cho đến khi tài sản được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Tập đoàn không trích khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho đến khi tài sản sẵn sàng để đưa vào sử dụng.

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính từ tám đến mười năm.

Định kỳ Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đang làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu

Ban Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này tại Thuyết minh số 34 của báo cáo tài chính hợp nhất do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu trò chơi trực tuyến

Doanh thu được ghi nhận khi thẻ quà/ hoặc mã số thẻ trò chơi trực tuyến hoặc tin nhắn được bán cho người sử dụng theo như quy định của Công văn số 7932/BTC-CĐKT ngày 27 tháng 6 năm 2006 do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu trò chơi trực tuyến (tiếp theo)

Doanh thu trò chơi trực tuyến bao gồm khoản chiết khấu trên mệnh giá của thẻ. Tập đoàn ghi nhận doanh thu trên cơ sở thuần sau khi trừ các khoản chiết khấu cho các nhà phân phối.

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Tập đoàn, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.18 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua hàng hóa, chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ và hàng hóa.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Zion

Vào ngày 17 tháng 1 năm 2022, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Zion tăng từ 60,00% lên 62,32% do Tập đoàn hoàn tất nghiệp vụ góp thêm vốn vào Zion. Chênh lệch giữa giá trị mà Tập đoàn đầu tư thêm vào Zion và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn tăng thêm vào ngày giao dịch với số tiền là 146.966.792.472 VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 24.1).

Vào ngày 5 tháng 5 năm 2022, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Zion tăng từ 62,32% lên 65,67% do Tập đoàn hoàn tất nghiệp vụ góp thêm vốn vào Zion. Chênh lệch giữa giá trị mà Tập đoàn đầu tư thêm vào Zion và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn tăng thêm vào ngày giao dịch với số tiền là 220.127.789.078 VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 24.1).

Vào ngày 26 tháng 7 năm 2022, các nhân viên của Zion đã đăng ký mua 459.925 cổ phiếu mới do Zion phát hành, tương đương với 0,19% tỷ lệ sở hữu. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Zion giảm từ 65,67% xuống 65,48%. Chênh lệch giữa giá trị góp vốn và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn vào ngày giao dịch là 2.914.592.376 VND được ghi tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 24.1).

Vào ngày 18 tháng 10 năm 2022, Tập đoàn đã thực hiện việc hoán đổi 14.325 cổ phiếu của Công ty để lấy 505.375 cổ phiếu của Zion, tương đương 0,31% tỷ lệ sở hữu từ các cổ đông hiện hữu của Zion. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Zion đã tăng từ 65,48% lên 65,79%. Chênh lệch giữa giá trị hoán đổi và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn vào ngày giao dịch là 6.573.326.125 VND được ghi tăng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 24.1).

Vào ngày 24 tháng 11 năm 2022, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Zion tăng từ 65,79% lên 69,98% do Tập đoàn hoàn tất nghiệp vụ góp thêm vốn vào Zion. Chênh lệch giữa giá trị mà Tập đoàn đầu tư thêm vào Zion và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn tăng thêm vào ngày giao dịch với số tiền là 108.043.016.930 VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 24.1).

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 4 tháng 7 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua lại 100% tỷ lệ sở hữu của Verichains từ các cổ đông hiện hữu với tổng giá trị chuyển nhượng là 158.696.267.000 VND. Theo đó, Verichains trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Verichains là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0317231038 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 4 tháng 4 năm 2022. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Verichains là sản xuất phần mềm. Verichains có trụ sở chính tọa lạc tại số 206, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.2 Hợp nhất kinh doanh (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Verichains vào ngày mua được trình bày như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>VND</i> <i>Giá trị hợp lý được xác định tại ngày mua</i>
Tài sản	834.292.296
Tiền	829.621.696
Các tài sản khác	4.670.600
Nợ phải trả	742.606.539
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	382.250.539
Chi phí phải trả ngắn hạn	346.000.000
Các khoản phải trả khác	14.356.000
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	91.685.757
Lợi thế thương mại (<i>Thuyết minh số 15</i>)	158.604.581.243
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	158.696.267.000
<i>Trong đó:</i>	
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu (*)	54.193.867.000
- Tiền	104.502.400.000

Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con

	<i>VND</i> <i>Năm nay</i>
Tiền thu về từ công ty con (bao gồm dòng tiền từ hoạt động đầu tư)	829.621.696
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	1.410.000.000
Tiền chi để mua công ty con	(104.502.400.000)
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	(102.262.778.304)

(*) Việc định giá lại giá trị hợp lý của các cổ phiếu được thực hiện bởi Ban Giám đốc của Tập đoàn và đơn vị tư vấn độc lập.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	657.524.630	700.763.504
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.113.245.391.388	1.290.471.252.048
Các khoản tương đương tiền (**)	515.174.282.441	1.176.355.000.000
TỔNG CỘNG	2.629.077.198.459	2.467.527.015.552

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần của tiền gửi ngân hàng đã được dùng để bảo đảm cho các khoản phải thu được giữ hộ cho người bán chưa hoàn tất các giao dịch mua, số dư trong ví điện tử của người dùng ZaloPay có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ tài chính của Tập đoàn và một lượng tiền nhất định được ngân hàng yêu cầu dự trữ (hoặc duy trì) để đảm bảo.

(**) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 0,5% đến 6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 1,2% đến 8%/năm.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	547.096.854.072	479.364.396.082
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 33)	11.141.084.152	7.213.878.304
TỔNG CỘNG	558.237.938.224	486.578.274.386
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.851.617.779)	(2.060.728.590)
GIÁ TRỊ THUẦN	555.386.320.445	484.517.545.796

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	313.822.324.759	311.439.595.903
- Công ty TNHH Quốc tế Hoàng Việt	97.243.297.110	-
- Tạp chí Điện tử Tri thức Trực tuyến	61.895.100.000	67.395.100.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nhất Trần	56.319.984.850	15.154.326.280
- Shanghai Yue Long le Culture Technology Co., Ltd	35.865.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	-	120.907.116.535
- Recess Company Limited	-	19.132.009.703
- Nhà cung cấp khác	62.498.942.799	88.851.043.385
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 33)	7.352.937.200	1.415.400.000
TỔNG CỘNG	321.175.261.959	312.854.995.903

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	371.906.020.502	1.011.275.911.024
Tạm ứng cho nhân viên	134.475.688.467	18.423.162.561
Phải thu ngân hàng – dịch vụ trung gian thanh toán	77.016.247.028	66.636.524.271
Tiền lãi phải thu	12.597.116.952	59.308.993.272
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	12.339.792.044	11.326.631.693
Đặt cọc mua cổ phiếu	-	509.962.500.000
Đặt cọc mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	335.358.059.500
Khác	135.477.176.011	10.260.039.727
Dài hạn – Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	15.153.728.062	16.624.687.889
TỔNG CỘNG	387.059.748.564	1.027.900.598.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	47.540.264.931	-	95.665.235.167	-
Công cụ, dụng cụ	37.348.726.121	-	19.501.617.692	-
Hàng khuyến mãi	4.493.007.190	(1.114.818.086)	4.681.496.167	(1.659.252.837)
Hàng đang đi đường	570.587.850	-	-	-
TỔNG CỘNG	<u>89.952.586.092</u>	<u>(1.114.818.086)</u>	<u>119.848.349.026</u>	<u>(1.659.252.837)</u>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.659.252.837	3.415.323.753
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	244.119.691
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(544.434.751)	(2.000.190.607)
Số cuối năm	<u>1.114.818.086</u>	<u>1.659.252.837</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	208.510.553.037	177.368.523.730
Chi phí dịch vụ trả trước	129.383.447.037	56.668.447.313
Phí bản quyền trả trước	59.912.025.389	103.461.859.083
Công cụ, dụng cụ	11.510.995.707	7.516.693.535
Khác	7.704.084.904	9.721.523.799
Dài hạn	268.689.047.771	239.399.049.342
Tiền thuê đất trả trước	115.959.986.522	122.391.339.699
Công cụ, dụng cụ	94.204.204.503	67.683.437.927
Phí bản quyền âm nhạc	32.059.287.315	23.720.995.824
Chi phí sửa chữa văn phòng	21.325.632.987	20.190.260.966
Khác	5.139.936.444	5.413.014.926
TỔNG CỘNG	<u>477.199.600.808</u>	<u>416.767.573.072</u>

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	671.384.664.801	1.015.835.970.269	27.012.592.096	133.960.402.570	58.391.551.657	1.906.585.181.393
Mua trong năm	1.200.915.824	265.248.131.566	15.904.247.022	38.279.775.661	296.363.636	320.929.433.709
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	428.200.000	-	1.048.807.960	-	1.477.007.960
Thanh lý và xóa sổ	(65.476.620)	(30.614.562.531)	(2.621.244.183)	(17.342.099.087)	(4.894.265.858)	(55.537.648.279)
Phân loại lại	-	(91.087.444)	-	91.087.444	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ USD sang VND	-	986.770.775	-	-	-	986.770.775
Số cuối năm	672.520.104.005	1.251.793.422.635	40.295.594.935	156.037.974.548	53.793.649.435	2.174.440.745.558
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	13.530.645.562	741.150.241.316	10.012.801.641	64.924.156.474	51.876.062.616	881.493.907.609
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	84.131.387.867	832.818.512.931	16.006.580.406	90.551.333.947	43.773.537.897	1.067.281.353.048
Khấu hao trong năm	31.407.028.734	93.256.698.384	8.689.738.710	30.329.953.388	14.221.420.379	177.904.839.595
Thanh lý và xóa sổ	(65.476.620)	(24.977.254.214)	(2.621.244.183)	(17.120.021.169)	(4.894.265.858)	(49.678.262.044)
Phân loại lại	-	(6.683.274)	-	6.683.274	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ USD sang VND	697.819	738.532.363	-	2.596.608	-	741.826.790
Số cuối năm	115.473.637.800	901.829.806.190	22.075.074.933	103.770.546.048	53.100.692.418	1.196.249.757.389
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	587.253.276.934	183.017.457.338	11.006.011.690	43.409.068.623	14.618.013.760	839.303.828.345
Số cuối năm	557.046.466.205	349.963.616.445	18.220.520.002	52.267.428.500	692.957.017	978.190.988.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	738.732.511.181	37.877.121.864	776.609.633.045
Mua trong năm	103.448.827.766	2.000.000.000	105.448.827.766
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	145.819.280.380	-	145.819.280.380
Phân loại lại	700.000.000	(700.000.000)	-
Xóa sổ	(163.095.190.221)	-	(163.095.190.221)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ USD sang VND	<u>3.311.179.255</u>	<u>-</u>	<u>3.311.179.255</u>
Số cuối năm	<u>828.916.608.361</u>	<u>39.177.121.864</u>	<u>868.093.730.225</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	386.583.571.561	37.177.121.864	423.760.693.425
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	533.552.254.510	37.235.455.198	570.787.709.708
Hao mòn trong năm	150.995.357.088	1.216.000.001	152.211.357.089
Khác	30.727.053.966	-	30.727.053.966
Phân loại lại	58.333.334	(58.333.334)	-
Xóa sổ	(107.780.719.868)	-	(107.780.719.868)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ USD sang VND	<u>2.414.514.070</u>	<u>-</u>	<u>2.414.514.070</u>
Số cuối năm	<u>609.966.793.100</u>	<u>38.393.121.865</u>	<u>648.359.914.965</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>205.180.256.671</u>	<u>641.666.666</u>	<u>205.821.923.337</u>
Số cuối năm	<u>218.949.815.261</u>	<u>783.999.999</u>	<u>219.733.815.260</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án VNG Data Center (*)	991.677.904.977	83.718.605.931
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	44.615.496.290	123.611.368.400
Khác	2.425.153.217	4.490.818.147
TỔNG CỘNG	<u>1.038.718.554.484</u>	<u>211.820.792.478</u>

(*) Như được trình bày trong *Thuyết minh số 22*, Tập đoàn đã thế chấp toàn bộ Dự án VNG Data Center để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 14.1</i>)	1.174.518.367.238	277.055.344.869
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 14.2</i>)	286.612.032.008	121.730.084.857
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>(2.357.000.000)</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.458.773.399.246</u>	<u>398.785.429.726</u>

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	<i>Tiki Global</i>	<i>Rocketeer</i>	<i>Ecotruck</i>	<i>Day One</i>	<i>Beijing Youtu</i>	<i>Telio</i>	<i>Funding Asia</i>	<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
<i>Giá trị đầu tư</i>								
Số đầu năm	510.119.999.037	33.093.946.920	80.815.000.000	138.120.000.000	35.338.249.520	-	-	797.487.195.477
Tăng giá trị đầu tư	-	-	50.844.349.655	-	-	515.282.476.878	512.549.703.860	1.078.676.530.393
Số cuối năm	510.119.999.037	33.093.946.920	131.659.349.655	138.120.000.000	35.338.249.520	515.282.476.878	512.549.703.860	1.876.163.725.870
<i>Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) sau khi mua công ty liên kết</i>								
Số đầu năm	(510.119.999.037)	(935.912.360)	(10.080.111.214)	720.304.393	(16.132.390)	-	-	(520.431.850.608)
Phần (lỗ) lợi nhuận từ công ty liên kết	-	(5.971.950.498)	(13.721.572.000)	550.146.109	(35.322.117.130)	(80.369.574.715)	(46.378.439.790)	(181.213.508.024)
Số cuối năm	(510.119.999.037)	(6.907.862.858)	(23.801.683.214)	1.270.450.502	(35.338.249.520)	(80.369.574.715)	(46.378.439.790)	(701.645.358.632)
<i>Giá trị còn lại</i>								
Số đầu năm	-	32.158.034.560	70.734.888.786	138.840.304.393	35.322.117.130	-	-	277.055.344.869
Số cuối năm	-	26.186.084.062	107.857.666.441	139.390.450.502	-	434.912.902.163	466.171.264.070	1.174.518.367.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Tiki Global Pte. Ltd ("Tiki Global")

Tiki Global được thành lập theo GCNĐKKD số 202117645H vào ngày 19 tháng 5 năm 2021. Tiki Global có trụ sở chính tại Số 10, Đường Anson, Tòa nhà Quốc tế #21-07, Singapore. Hoạt động chính của Tiki Global là công ty đầu tư.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 14,60% tỷ lệ sở hữu trong Tiki Global. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định hai (2) trên chín (9) thành viên Hội đồng Quản trị của Tiki Global, kèm các quyền khác, và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu thấp hơn 20%.

Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")

Rocketeer được thành lập theo GCNĐKKD số 379385 vào ngày 29 tháng 7 năm 2021. Rocketeer có trụ sở chính tại ICS Corporate Services (Cayman) Limited, Quảng trường Chính quyền 3-212, Đại lộ 23 Line Tree Bay, P.O. Box 30746, Seven Mile Beach, Grand Cayman KY1-1203, Quần đảo Cayman. Hoạt động chính của Rocketeer là công ty đầu tư.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 11,24% tỷ lệ sở hữu trong Rocketeer. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên năm (5) thành viên Hội đồng Quản trị của Rocketeer, kèm các quyền khác, và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu thấp hơn 20%.

Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")

Ecotruck được thành lập theo GCNĐKKD số 0314715626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 3 tháng 11 năm 2017. Ecotruck có trụ sở chính tại Số 139/1A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của Ecotruck là sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Vào ngày 7 tháng 4 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất việc góp vốn thêm vào Ecotruck để tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn lên 25%. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 25% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng trong Ecotruck.

Công ty cổ phần DayOne ("Day One")

DayOne được thành lập theo GCNĐKKD số 0313249098 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 13 tháng 5 năm 2015. DayOne có trụ sở chính tại Tầng 1-5, Tòa nhà 9-11, Đường Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DayOne là kinh doanh thương mại điện tử.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 27,27% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tương ứng trong DayOne.

Beijing Youtu Interactive Co., Ltd ("Beijing Youtu")

Beijing Youtu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 91110105MA01YKF977 cấp vào ngày 5 tháng 1 năm 2021. Beijing Youtu có trụ sở chính tại 576 East, 202B, Tầng 2, Tòa nhà 1, Số 1, Đường Lize Middle, Quận Changyang, Bắc Kinh, Trung Quốc. Hoạt động chính của Beijing Youtu là phân phối trò chơi điện tử.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 13,99% tỷ lệ sở hữu trong Beijing Youtu. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên ba (3) thành viên Hội đồng Quản trị của Beijing Youtu, kèm các quyền khác, và có ảnh hưởng đáng kể mặc dù tỷ lệ sở hữu thấp hơn 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Telio Pte. Ltd. ("Telio")

Telio được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 201902507W cấp vào ngày 21 tháng 1 năm 2019. Telio có trụ sở chính tại Số 30, Đường Cecil, Tòa nhà #19-08 Prudential, Singapore. Hoạt động chính của Telio là công ty đầu tư.

Từ ngày 5 tháng 1 năm 2022 đến ngày 13 tháng 4 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 20,33% tỷ lệ sở hữu trong Telio. Từ ngày 8 tháng 3 năm 2022 đến ngày 5 tháng 6 năm 2022, Telio đã hoàn tất phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (VNG không lựa chọn mua thêm cổ phiếu phát hành). Theo đó, phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với Telio giảm còn 16,7%.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 16,7% tỷ lệ sở hữu trong Telio. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên sáu (6) thành viên Hội đồng quản trị của Telio kèm các quyền khác, nên có ảnh hưởng đáng kể mặc dù có tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

Nhóm Công ty Funding Asia Group Pte. Ltd. ("Funding Asia")

Funding Asia được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 201537647E cấp vào ngày 14 tháng 10 năm 2015. Funding Assia có trụ sở chính tại Số 5 Đường Shenton Way, #10-01, Tòa nhà UIC, Singapore. Hoạt động chính của Funding Asia là công ty kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng cho vay trực tuyến.

Vào ngày 21 tháng 2 năm 2022, Tập đoàn đã đầu tư 5,12% tỷ lệ sở hữu trong Funding Asia. Vào ngày 5 tháng 5 năm 2022, Funding Asia đã hoàn tất phát hành thêm cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động. Theo đó, phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn đối với Funding Asia giảm còn 5,11%.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn nắm giữ 5,11% tỷ lệ sở hữu trong Funding Asia. Theo thỏa thuận cổ đông, Tập đoàn có quyền chỉ định một (1) trên mười (10) thành viên Hội đồng quản trị của Funding Asia kèm các quyền khác, nên có ảnh hưởng đáng kể mặc dù có tỷ lệ sở hữu ít hơn 20%.

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Dự phòng (VND)	Số đầu năm			Dự phòng (VND)
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)		Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (*)	1.035.203	5,99%	94.073.593.490	-	1.226.003	6,66%	111.412.455.179	-
Haegin, Co. Ltd, ("Haegin") (**)	55.555	0,58%	98.502.979.154	-	-	-	-	-
Wildseed Games, Inc. (***)	-	-	47.140.000.000	-	-	-	-	-
Transcend Fund II (****)	-	-	33.863.019.000	-	-	-	-	-
Trái phiếu của Victoria Shanghai Education Foundation Limited	-	-	10.675.440.364	-	-	-	10.317.629.678	-
Real Stake Pte Ltd	-	-	2.357.000.000	(2.357.000.000)	-	-	-	-
TỔNG CỘNG			286.612.032.008	(2.357.000.000)			121.730.084.857	-

(*) Trong năm 2022, Tập đoàn đã thanh lý 190.800 cổ phần trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT với tổng giá trị chuyển nhượng là 20.706.369.477 VND. Theo đó, Tập đoàn đã ghi nhận khoản lãi từ nghiệp vụ này với giá trị là 3.367.507.788 VND vào doanh thu tài chính.

(**) Vào ngày 4 tháng 3 năm 2022, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 55.555 cổ phiếu của Haegin, theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần ngày 28 tháng 2 năm 2022. Haegin được thành lập và hoạt động theo luật pháp của Hàn Quốc. Haegin có trụ sở chính tại Số 1407 Woorim Lion's Valley C, 168 Gasan Digital 1-ro, Geumcheon-gu, Seoul, Hàn Quốc. Hoạt động chính của Haegin là phát triển trò chơi trực tuyến.

(***) Vào ngày 23 tháng 8 năm 2022, Tập đoàn đã ký một Thỏa thuận Đơn giản cho Cổ phần trong tương lai với Wildseed Games, Inc. ("Wildseed"). Theo đó, Tập đoàn đã góp vào Wildseed số tiền là 47.140.000.000 VND để được quyền sở hữu cổ phần ưu đãi của Wildseed trong tương lai. Wildseed là một công ty được thành lập bởi Delaware và hoạt động theo luật pháp của Hoa Kỳ. Trụ sở chính của Wildseed tọa lạc tại số 1012 college road, Suite 201 Dover, DE 19904, Hoa Kỳ. Hoạt động chính của Wildseed là phát triển trò chơi máy tính.

(****) Vào ngày 18 tháng 7 năm 2022, Tập đoàn đã ký một thỏa thuận hợp tác cam kết khoản đầu tư lên tới 3 triệu đô la Mỹ vào Quỹ Transcend II ("Transcend"), một công ty hợp danh hữu hạn của Quần đảo Cayman với hoạt động chính là huy động vốn từ các nhà đầu tư để đầu tư vào các công ty phát triển trò chơi điện tử và ngành giải trí kỹ thuật số. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn đã góp vào Transcend số tiền là 1.563.300 Đô la Mỹ (tương đương 33.863.019.000 VND).

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất các công ty con được trình bày như sau:

	VinaData	EPI	MPT	VNG Online	XFM	Verichains	VND Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	9.814.811.229	11.920.046.178	591.115.321	26.343.737	11.025.955.237	-	33.378.271.702
Tăng do mua công ty con (Thuyết minh số 4.2)	-	-	-	-	-	158.604.581.243	158.604.581.243
Số cuối năm	<u>9.814.811.229</u>	<u>11.920.046.178</u>	<u>591.115.321</u>	<u>26.343.737</u>	<u>11.025.955.237</u>	<u>158.604.581.243</u>	<u>191.982.852.945</u>
Phân bổ lũy kế							
Số đầu năm	9.814.811.229	11.920.046.178	534.397.621	23.325.183	1.653.893.270	-	23.946.473.481
Phân bổ trong năm	-	-	56.717.700	3.018.554	1.102.595.520	112.018.885.995	113.181.217.769
Số cuối năm	<u>9.814.811.229</u>	<u>11.920.046.178</u>	<u>591.115.321</u>	<u>26.343.737</u>	<u>2.756.488.790</u>	<u>112.018.885.995</u>	<u>137.127.691.250</u>
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	-	-	56.717.700	3.018.554	9.372.061.967	-	9.431.798.221
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.269.466.447</u>	<u>46.585.695.248</u>	<u>54.855.161.695</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	702.386.825.010	539.836.816.439
- Công ty Cổ phần Xây dựng An Phong	213.339.322.328	10.049.400.044
- Seasun Games Corporation Limited	98.729.387.080	228.886.747.168
- Phải trả người bán khác	390.318.115.602	300.900.669.227
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	<u>224.445.352.116</u>	<u>242.456.847.837</u>
TỔNG CỘNG	<u>926.832.177.126</u>	<u>782.293.664.276</u>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	21.451.380.124	31.027.208.835
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến	2.313.870.640	4.110.231.600
- Cộng Đồng Việt	-	3.507.530.226
- Adyen Singapore PTE Limited	19.137.509.484	23.409.447.009
- Các khách hàng khác	3.256.938.436	1.270.941.702
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 33)	<u>24.708.318.560</u>	<u>32.298.150.537</u>
TỔNG CỘNG	<u>24.708.318.560</u>	<u>32.298.150.537</u>

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Số cuối năm
<i>VND</i>					
Phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	110.545.296.913	577.748.945.440	(465.864.155.362)	269.282.202	222.699.369.193
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.820.869.476	5.192.037.612	(2.433.468.926)	20.753.837	19.600.191.999
Thuế thu nhập cá nhân	-	67.395.637	-	-	67.395.637
TỔNG CỘNG	127.366.166.389	583.008.378.689	(468.297.624.288)	290.036.039	242.366.956.829
Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	26.849.937.072	911.119.878.092	(893.673.475.956)	(746.053.355)	43.550.285.853
Thuế thu nhập cá nhân	29.679.042.763	133.274.421.133	(133.821.762.758)	(1.347.673)	29.130.353.465
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.103.131.274	144.408.035.725	(134.737.980.906)	(18.508.058)	24.754.678.035
Thuế nhà thầu nước ngoài	28.238.243.202	314.534.060.445	(326.227.295.260)	100.061.372	16.645.069.759
Thuế khác	146.346	-	(146.346)	-	-
TỔNG CỘNG	99.870.500.657	1.503.336.395.395	(1.488.460.661.226)	(665.847.714)	114.080.387.112

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện tiền nhận trước từ khách hàng để thực hiện các dịch vụ quảng cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lương thưởng	377.444.738.579	364.328.581.565
Phí bản quyền phần mềm	318.688.329.781	407.184.276.078
Chi phí quảng cáo	82.429.526.067	128.768.163.078
Chi phí dịch vụ tư vấn	51.318.138.092	8.915.510.415
Mua tài sản cố định	1.743.487.956	9.732.013.843
Chi phí phải trả khác	78.022.355.648	37.664.633.523
TỔNG CỘNG	<u>909.646.576.123</u>	<u>956.593.178.502</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Phải trả cho bên khác	742.836.648.777	677.468.574.238
- Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 33)	166.809.927.346	279.124.604.264

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	674.822.616.913	439.565.463.994
Thu hộ	499.928.674.814	345.534.337.642
Thuế nhà thầu nước ngoài	34.582.588.726	54.990.988.817
Kinh phí công đoàn	18.387.469.772	19.568.283.752
Đặt cọc mua cổ phần	2.959.405.000	11.642.340.500
Phải trả khác	118.964.478.601	7.829.513.283
Dài hạn - Nhận đặt cọc	<u>246.635.674</u>	<u>217.419.674</u>
TỔNG CỘNG	<u>675.069.252.587</u>	<u>439.782.883.668</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Phải trả cho bên khác	672.476.814.259	437.442.719.247
- Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 33)	2.592.438.328	2.340.164.421

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
				VND
Vay ngân hàng ngắn hạn	-	-	44.403.111.008	44.403.111.008
Vay ngân hàng dài hạn	174.125.000.000	269.906.110.028	(44.403.111.008)	399.627.999.020
TỔNG CỘNG	174.125.000.000	269.906.110.028	-	444.031.110.028

Tập đoàn có khoản vay từ ngân hàng với mục đích tài trợ cho dự án “Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm”. Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	444.031.110.028	Từ ngày 26 tháng 8 năm 2023 đến ngày 20 tháng 5 năm 2028	7,4% - 12,3%	Bất động sản tọa lạc tại S.38b - 39 - 40, Đường số 19, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam thuộc sở hữu của VNG DC, và tài sản hình thành trong tương lai bao gồm công trình xây dựng trên đất và máy móc thiết bị thuộc dự án “Trung tâm dữ liệu và sản xuất phần mềm”

Trong đó:
 - Vay dài hạn đến hạn trả 44.403.111.008
 - Vay dài hạn 399.627.999.020

Chi phí đi vay vốn hóa

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 26.230.055.465 VND vào giá trị của chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3.663.544.272 VND).

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động, như được đề cập trong *Thuyết minh số 3.12*.

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
VND						
Năm trước:						
Số đầu năm	353.022.930.000	1.125.647.020.771	(1.943.352.107.086)	16.542.204.002	6.234.217.770.082	5.786.077.817.769
Phát hành cổ phiếu mới theo chương trình ESOP	5.419.690.000	7.652.030.000	-	-	-	13.071.720.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	414.060.591.811	414.060.591.811
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ USD sang VND	-	-	-	(8.850.406.680)	-	(8.850.406.680)
Số cuối năm	<u>358.442.620.000</u>	<u>1.133.299.050.771</u>	<u>(1.943.352.107.086)</u>	<u>7.691.797.322</u>	<u>6.648.278.361.893</u>	<u>6.204.359.722.900</u>
Năm nay:						
Số đầu năm	358.442.620.000	1.133.299.050.771	(1.943.352.107.086)	7.691.797.322	6.648.278.361.893	6.204.359.722.900
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(1.077.143.623.970)	(1.077.143.623.970)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	(349.795.489.758)	678.932.175.508	-	(12.713.430.000)	316.423.255.750
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con (<i>Thuyết minh 4.1</i>)	-	-	-	-	(465.469.679.979)	(465.469.679.979)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ USD sang VND	-	-	-	2.143.968.051	-	2.143.968.051
Số cuối năm	<u>358.442.620.000</u>	<u>783.503.561.013</u>	<u>(1.264.419.931.578)</u>	<u>9.835.765.373</u>	<u>5.092.951.627.944</u>	<u>4.980.313.642.752</u>

(*) Từ ngày 4 tháng 7 năm 2022 đến ngày 15 tháng 11 năm 2022, Tập đoàn đã thực hiện tái phát hành 2.862.440 cổ phiếu quỹ cho các nhà đầu tư. Theo đó, chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá bán của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Trong đó, Tập đoàn đã tái phát hành một số lượng cổ phiếu quỹ như là giá phí hợp nhất kinh doanh với giá trị hợp lý được xác định bằng cách tham chiếu giá từ ngày giao dịch đến ngày mua thông qua việc sử dụng phương pháp tiếp cận thị trường và điều chỉnh theo giá trị của doanh nghiệp ("EV") dựa theo biến động thị trường của các công ty cùng ngành giữa ngày giao dịch gần đây và ngày định giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	35.844.262	35.844.262
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	35.844.262	35.844.262
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	28.736.000	25.873.560
Số lượng cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	7.108.262	9.970.702

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

24.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	Năm nay	VND Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	358.442.620.000	353.022.930.000
Phát hành cổ phiếu mới theo chương trình ESOP	-	5.419.690.000
Số cuối năm	<u>358.442.620.000</u>	<u>358.442.620.000</u>

25. LỢI ÍCH CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	119.313.521.624	329.406.861.089
Thay đổi tỷ lệ sở hữu	465.040.111.229	-
Góp vốn trong năm	6.693.334.503	274.966.380.850
Lỗ thuần trong năm	<u>(456.773.332.546)</u>	<u>(485.059.720.315)</u>
Số cuối năm	<u>134.273.634.810</u>	<u>119.313.521.624</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	5.443.957.286.318	6.156.948.218.962
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	1.286.643.044.313	1.001.128.451.282
Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet	739.900.030.376	352.373.083.616
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	29.770.223.626	31.383.663.397
Khác	300.254.190.293	107.226.574.221
TỔNG CỘNG	<u>7.800.524.774.926</u>	<u>7.649.059.991.478</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	7.757.280.627.128	7.622.163.883.377
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	43.244.147.798	26.896.108.101

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lãi gửi	89.378.533.699	171.313.969.151
Lãi chênh lệch tỷ giá	33.087.310.768	32.137.297.019
Cổ tức được chia	9.808.024.000	24.755.060.000
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	3.367.507.788	-
Others	58.357.196	-
TỔNG CỘNG	<u>135.699.733.451</u>	<u>228.206.326.170</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí bản quyền phần mềm	1.550.908.805.123	1.905.732.541.305
Chi phí nhân viên	1.466.195.136.227	1.194.465.496.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.025.601.439.725	724.778.460.977
Chi phí khấu hao và hao mòn	243.023.289.513	245.406.548.624
Chi phí khác	77.767.125.582	35.113.274.022
TỔNG CỘNG	<u>4.363.495.796.170</u>	<u>4.105.496.321.001</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.989.819.608	28.301.654.599
Lỗ từ hoạt động đầu tư	2.981.450.694	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.357.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>26.328.270.302</u>	<u>28.301.654.599</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	2.727.839.104.351	2.361.349.122.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.245.429.074.354	2.014.069.064.630
Chi phí nhân viên	468.436.266.746	334.284.135.064
Chi phí khấu hao và hao mòn	397.772.571	209.206.133
Chi phí khác	13.575.990.680	12.786.716.225
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.578.943.163.656	1.112.078.734.564
Chi phí nhân viên	823.770.584.648	577.110.317.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	436.476.569.872	319.935.742.493
Chi phí khấu hao và hao mòn	199.876.352.370	80.370.035.082
Công cụ, dụng cụ	91.409.241.973	63.572.953.286
Chi phí khác	27.410.414.793	71.089.685.728
TỔNG CỘNG	<u>4.306.782.268.007</u>	<u>3.473.427.856.616</u>

30. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	23.511.114.336	13.157.524.189
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	5.472.659.237	-
Khoản hỗ trợ từ đối tác	2.080.019.175	10.721.323.673
Thu nhập khác	15.958.435.924	2.436.200.516
Chi phí khác	(200.491.358.789)	(19.807.238.329)
Chi phí dự phòng tổn thất tài sản	(141.889.932.545)	-
Chi phí thanh lý, xóa sổ tài sản	(55.679.241.095)	(14.557.360.778)
Chi phí khác	(2.922.185.149)	(5.249.877.551)
LỖ THUẬN KHÁC	<u>(176.980.244.453)</u>	<u>(6.649.714.140)</u>

31. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.707.507.083.951	3.058.783.268.100
Chi phí nhân viên	2.758.401.987.621	2.105.859.949.112
Phí bản quyền phần mềm	1.550.908.805.123	1.905.732.541.305
Chi phí khấu hao và phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 11, 12 và 15)	443.297.414.453	325.985.789.839
Công cụ, dụng cụ	122.733.554.140	63.720.310.491
Chi phí khác	87.429.218.889	118.842.318.770
TỔNG CỘNG	<u>8.670.278.064.177</u>	<u>7.578.924.177.617</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế thu được từ tất cả các hoạt động kinh doanh, ngoại trừ các khoản miễn và/hoặc giảm sau đây:

- VNGS được miễn thuế TNDN trong bốn năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2012) và thuế suất ưu đãi 5% cho chín năm tiếp theo sau và 10% cho những năm còn lại tới hết 2026.
- VNG Singapore, ZPI, Cloudverse, VNG Investment, Instpay Holco, Instpay SG, và Verichains SG có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 17%.
- VNG Myanmar và Instpay AU có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25%.
- MLT HK và Instpay HK có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với tỷ lệ 8,25% trên 2 triệu HKD lợi nhuận đầu tiên tính thuế từ năm đầu tiên và thuế suất 16,5% cho phần lợi nhuận tính thuế còn lại.
- Instpay UK có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 19%.
- KMZ có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% được miễn thuế TNDN trong 2 năm từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi 12,5% trong 3 năm tiếp theo.
- VinaData được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Công nghệ cao (2021) và giảm 50% thuế suất thuế TNDN áp dụng trong sáu (6) năm tiếp theo. Việc miễn, giảm thuế này chỉ áp dụng đối với thu nhập từ nhóm sản phẩm, dịch vụ thuộc nhóm sản phẩm, dịch vụ công nghệ cao.
- DMF được miễn thuế TNDN đối với thu nhập đóng góp cho mục đích từ thiện theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	146.841.504.651	114.482.103.939
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	268.499.873.286	211.896.317.663
TỔNG CỘNG	415.341.377.937	326.378.421.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.118.575.578.579)	255.379.293.098
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Tập đoàn	(227.359.046.080)	48.769.197.392
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	581.880.576.073	318.885.094.238
Lỗ từ công ty liên kết	36.242.701.605	1.602.295.639
Phân bổ lợi thế thương mại	22.636.243.554	233.552.469
Chi phí không được khấu trừ thuế	11.792.634.506	4.307.706.160
Thuế TNDN được miễn, giảm	(19.345.539.826)	(42.330.452.243)
Khác	9.493.808.105	(5.088.972.053)
Chi phí thuế TNDN	415.341.377.937	326.378.421.602

32.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	VND			
Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	1.764.263.164	24.325.427.360	(22.561.164.196)	(25.237.969.422)
Dự phòng tổn thất tài sản	1.038.895.889	4.249.050.761	(3.210.154.872)	(5.567.288.196)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	36.568.265	326.235.738	(289.667.473)	(356.829.013)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.618.573	22.002.009	(18.383.436)	(19.982.235)
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	-	3.593.966.973	(3.593.966.973)	570.303.707
Chi phí phải trả	-	2.931.185.343	(2.931.185.343)	1.661.967.178
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	1.960.713.102	(1.960.713.102)	286.668.399
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	274.968.246	(274.968.246)	16.067.554
Các khoản trợ cấp chi phí vốn	-	-	-	(2.230.105.625)
Điều chỉnh chênh lệch do áp dụng phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình khác nhau	-	-	-	(770.756.200)
	2.843.345.891	37.683.549.532		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng đầu tư dài hạn vào công ty con	(542.137.229.943)	(308.161.254.034)	(233.975.975.909)	(184.557.001.151)
Khác biệt cơ sở ghi nhận doanh thu	(41.338.769.712)	(36.626.985.440)	(4.711.784.272)	11.694.382.106
Hao mòn bản quyền phần mềm trò chơi và khấu hao máy móc	(2.204.476.503)	(7.385.774.765)	5.181.298.262	(7.385.774.765)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính công ty con từ USD sang VND	(153.207.726)	-	(153.207.726)	-
	(585.833.683.884)	(352.174.014.239)		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả			(268.499.873.286)	(211.896.317.663)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước (tiếp theo)

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được của Zion, VNG, XFM, DMF, VNG DC, A4B, Verichains, KMZ và VTH được phép chuyển lỗ trong vòng năm (5) năm liên tục, VNG Myanmar được phép chuyển lỗ trong vòng ba (3) năm tính từ năm phát sinh khoản lỗ đó và VNG Sing chi nhánh Taiwan được phép chuyển lỗ trong vòng mười (10) năm tính từ năm phát sinh khoản lỗ đó, các công ty còn lại được phép chuyển lỗ vô thời hạn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 5.701.624.852.022 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.890.704.290.480 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	Không được chuyển lỗ	VND Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
Zion					
2017	2022	30.736.573.252	-	(30.736.573.252)	-
2018	2023	180.589.964.996	-	-	180.589.964.996
2019 (*)	2024	344.902.359.223	-	-	344.902.359.223
2020 (*)	2025	685.983.587.158	-	-	685.983.587.158
2021 (*)	2026	1.229.426.701.077	-	-	1.229.426.701.077
2022 (*)	2027	1.309.878.614.959	-	-	1.309.878.614.959
VNG (*)					
2021	2026	254.223.078.671	-	-	254.223.078.671
2022 (*)	2027	1.327.933.407.364	-	-	1.327.933.407.364
VNG Singapore (*)					
2018	Vô thời hạn	85.383.668.490	-	-	85.383.668.490
2020	Vô thời hạn	13.852.694.356	-	-	13.852.694.356
2022	Vô thời hạn	175.136.629.141	-	-	175.136.629.141
XFM (*)					
2020	2025	5.735.187.541	-	-	5.735.187.541
2021	2026	16.312.706.534	-	-	16.312.706.534
2022	2027	15.512.810.994	-	-	15.512.810.994
DMF (*)					
2022	2027	161.570.256	-	-	161.570.256
VNG DC (*)					
2022	2027	1.016.255.900	-	-	1.016.255.900
A4B (*)					
2022	2027	1.815.902.495	-	-	1.815.902.495
VNG Myanmar (*)					
2021	2024	3.755.408.100	-	-	3.755.408.100
ZPI					
2021	2026	36.562.232.465	(36.562.232.465)	-	-
VNG Games (*)					
2021	2026	5.992.743.796	(5.992.743.796)	-	-
VNG Sing Chi nhánh Đài loan (*)					
2021	2031	21.960.488.010	(21.960.488.010)	-	-
Cloudverse (*)					
2022 (*)	Vô thời hạn	13.439.341.891	-	-	13.439.341.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước (tiếp theo)

Chi tiết như sau (tiếp theo):

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2022	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
2022 (*)	2027	5.989.157.425	-	-	5.989.157.425
2022	Vô thời hạn	2.055.065.346	-	-	2.055.065.346
2022	2027	24.565.174.131	-	-	24.565.174.131
2022	Vô thời hạn	124.099.678	-	-	124.099.678
2022	Vô thời hạn	117.920.710	-	-	117.920.710
2022	Vô thời hạn	3.701.747.306	-	-	3.701.747.306
2022	2027	11.798.280	-	-	11.798.280
TỔNG CỘNG		5.796.876.889.545	(64.515.464.271)	(30.736.573.252)	5.701.624.852.022

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế trị giá là 5.692.803.536.202 VND của VNG, DMF, Zion, VNG Singapore, VNG Myanmar, Cloudverse, XFM, VNG Investment, KMZ, Instpay Holco, Instpay SG, Instpay AU và VTH do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và không có lãi suất.

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Zion	Công ty con
VinaData	Công ty con
Vinanet	Công ty con
VNGS	Công ty con
EPI	Công ty con
Long Đĩnh	Công ty con
A4B	Công ty con
ZPS	Công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau: (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
VNG Online	Công ty con
DMF	Công ty con
Minh Phương Thịnh	Công ty con
VNG DC	Công ty con
VNG Singapore	Công ty con
VNG Myanmar	Công ty con
MLT HK	Công ty con
VNG Games	Công ty con
XFM	Công ty con
ZPI	Công ty con
Thanh Sơn	Công ty con
Adtima	Công ty con
Fiza	Công ty con
Cloudverse	Công ty con
Mixus	Công ty con
Verichains	Công ty con
VTH	Công ty con
VNG Investment	Công ty con
KMZ	Công ty con
Verichains SG	Công ty con
Instpay Holco	Công ty con
Instpay SG	Công ty con
Instpay AU	Công ty con
Instpay UK	Công ty con
Instpay HK	Công ty con
Day One	Công ty liên kết
Ecotruck	Công ty liên kết
Funding Asia	Công ty liên kết
Telio	Công ty liên kết
Tiki Global	Công ty liên kết
Beijing Youtu	Công ty liên kết
Rocketeer	Công ty liên kết
Dorocat Games Co., Ltd ("Dorocat")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Ti Ki ("Tiki")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Tikinow Smart Logistics ("Tikinow")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Telio Việt Nam ("Telio Vietnam")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Got It ("Got It")	Công ty con của công ty liên kết
Tencent Technology (Shenzhen) Company Limited ("Tencent Shenzhen")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Technology (Shanghai) Co. Ltd ("Tencent Shanghai")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Mobile International Ltd. ("Tencent Mobile")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Proxima Beta Pte. Limited ("Proxima")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Riot Games Services Pte Ltd. ("Riot Games Services")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Aceville Pte. Ltd. ("Aceville")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	



Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Telio	Công ty liên kết	Góp vốn	515.282.476.878	-
Funding Asia	Công ty liên kết	Góp vốn	512.549.703.860	-
Ecotruck	Công ty liên kết	Góp vốn	46.799.918.402	-
Ti Ki	Công ty con của công ty liên kết	Mua dịch vụ Dịch vụ hỗ trợ thanh toán trực tuyến	13.240.171.729 7.192.536.607	12.966.966.347 8.232.879.559
		Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	2.143.679.027	9.081.513.332
Day One	Công ty liên kết	Mua dịch vụ Cung cấp dịch vụ Góp vốn	1.037.734.000 155.211.954 -	2.688.894.996 95.353.148 138.120.000.000
Beijing Youtu	Công ty liên kết	Góp vốn	-	35.338.249.520
Telio Vietnam	Công ty con của công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	371.731.518	121.450.300
Tikinow	Công ty con của công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	362.727	-
Got It	Công ty con của công ty liên kết	Bán thẻ cào	97.896.550.242	35.071.810.637
Proxima	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm Cung cấp dịch vụ quảng cáo	427.057.050.154 1.321.399.394	547.652.360.592 -
Riot Games Services	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm Cung cấp dịch vụ quảng cáo	162.029.011.817 9.233.567.912	86,648,519,578 1.936.185.503
Aceville	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	46.833.699.441	28.068.990.648
Tencent Shenzhen	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	43.942.877.296	39.332.734.313

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
				<i>VND</i>
				<i>Năm trước</i>
Tencent Mobile	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	20.052.515.071	5.739.715.969
Tencent Shanghai	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	1.416.257.059	17.748.388.629
Huya Pte. Ltd.	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	785.496.010
Số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:				
				<i>VND</i>
				<i>Số cuối năm</i>
				<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i>				
Tencent Mobile	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	5.371.458.970	2.663.137.500
Riot Games Services	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	5.273.481.090	1.936.185.503
Ti Ki	Công ty con của công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	476.144.092	2.526.633.091
Telio Vietnam	Công ty con của công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	20.000.000	-
Huya Pte. Ltd.	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	-	85.050.000
Day One	Công ty liên kết	Doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo	-	2.872.210
			<u>11.141.084.152</u>	<u>7.213.878.304</u>

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)					
Doracat	Công ty con của công ty liên kết	Phí bảo lãnh tối thiểu	6.599.600.000	-	
Ti Ki	Công ty con của công ty liên kết	Mua thẻ trò chơi trả trước	753.337.200	1.415.400.000	
			7.352.937.200	1.415.400.000	
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)					
Proxima	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	101.460.396.920	203.988.533.885	
Riot Games Services	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	88.467.684.777	8.949.261.285	
Aceville	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	25.650.963.258	-	
Tencent Shenzhen	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	8.346.504.651	27.414.443.262	
Tencent Shanghai	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	332.802.510	1.485.623.805	
Day One	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	187.000.000	618.985.600	
			224.445.352.116	242.456.847.837	
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 17)					
Got It	Công ty con của Công ty liên kết	Bán thẻ cào	3.256.938.436	1.270.941.702	

Công ty Cổ phần VNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
				<i>VND</i>
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>				
Proxima	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	106.083.177.267	183.584.728.698
Riot Games Services	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	29.839.520.933	68.067.734.741
Tencent Shenzhen	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	26.689.726.754	19.190.278.934
Aceville	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Mua dịch vụ	4.168.760.124	7.497.133.633
Tencent Shanghai	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn	Phí bản quyền phần mềm	28.742.268	784.728.258
			166.809.927.346	279.124.604.264
<i>Phải trả khác (Thuyết minh số 21)</i>				
Tiki	Công ty con của Công ty liên kết	Thu hộ	2.546.560.883	2.297.741.318
Day One	Công ty liên kết	Thu hộ	45.877.445	42.423.103
			2.592.438.328	2.340.164.421

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát bao gồm lương và các chi phí liên quan như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thành viên Ban Giám đốc	31.187.478.648	24.677.890.419
Thành viên Hội đồng Quản trị	5.289.552.000	6.498.242.181
Thành viên Ban kiểm soát	180.000.000	180.000.000
	36.657.030.648	31.356.132.600

TỔNG CỘNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. (LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

(Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(1.077.143.623.970)	414.060.591.811
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	<u>25.949.543</u>	<u>25.701.648</u>
Điều chỉnh số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ ESOP II	-	48.432
Điều chỉnh số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ ESOP III	-	800.252
Điều chỉnh số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến	<u>-</u>	<u>900.231</u>
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	<u>25.949.543</u>	<u>27.450.563</u>
(Lỗ) lãi trên mỗi cổ phiếu		
- (Lỗ) lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(41.509)	16.110
- (Lỗ) lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (*)	(41.509)	15.084

(*) Các công cụ sau có khả năng pha loãng lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu trong tương lai nhưng không được đưa vào tính toán lỗ suy giảm trên mỗi cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 vì chúng có tác dụng suy giảm ngược cho năm hiện tại được trình bày:

	Năm nay
Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ ESOP II	-
Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ ESOP III	850.842
Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng có thể được chuyển đổi từ chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến	<u>871.125</u>
TỔNG CỘNG	<u><u>1.721.967</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động với các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	54.948.329.105	52.306.114.691
Từ 1 đến 5 năm	36.309.298.481	60.318.772.202
TỔNG CỘNG	<u>91.257.627.586</u>	<u>112.624.886.893</u>

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tập đoàn có các cam kết liên quan đến việc thi công công trình, mua phí bản quyền trò chơi, mua sắm máy móc thiết bị và các cam kết khác được thể hiện như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bản quyền trò chơi	168.289.800.000	177.386.194.000
Phí đảm bảo tối thiểu	148.962.400.000	140.735.250.000
Máy móc và thiết bị	115.180.399.050	-
Phí thuê đất	64.828.864.740	-
Dự án Trung tâm dữ liệu	19.713.890.612	654.794.100.255
TỔNG CỘNG	<u>516.975.354.402</u>	<u>972.915.544.255</u>

36. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Ban Giám đốc của Công ty đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo tài chính hợp nhất cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chi tiết các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu như sau:

Chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến

Công ty đã ký Hợp đồng Quyền chọn mua cổ phiếu phổ thông ("Hợp đồng Quyền chọn") với một nhà cung cấp trò chơi trực tuyến vào ngày 1 tháng 8 năm 2010. Theo hợp đồng này, nhà cung cấp trò chơi trực tuyến được cấp số lượng quyền mua cổ phiếu phổ thông ("quyền mua") tối đa là 1.859.251 cổ phiếu phổ thông của Công ty với mức giá đã được ấn định là 8,0678 USD/cổ phiếu.

Theo Hợp đồng Quyền chọn, nhà cung cấp trò chơi trực tuyến có thể thực hiện quyền mua (1.549.375 cổ phiếu phổ thông) với số lượng bằng nhau hàng quý bắt đầu từ ngày 1 tháng 8 năm 2010 đến ngày 31 tháng 7 năm 2016. Nếu Công ty hoàn thành việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng ("IPO") trước ngày 31 tháng 7 năm 2016, tất cả quyền chọn mua 1.859.251 cổ phiếu thường của Công ty sẽ được thực hiện ngay lập tức trước khi IPO.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Chương trình quyền chọn mua cho nhà cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến

Theo Phụ lục C sửa đổi ngày 24 tháng 10 năm 2014 ("Phụ lục C"), quyền mua 1.032.917 cổ phiếu phổ thông đã được thỏa mãn với các điều kiện theo Hợp đồng Quyền chọn và nhà cung cấp trò chơi trực tuyến có toàn quyền thực hiện các quyền đó theo thời gian hoặc bất cứ lúc nào, với điều kiện là tất cả quyền chọn sẽ được thực hiện trước hoặc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Việc đăng ký quyền mua 516.458 cổ phiếu phổ thông theo Hợp đồng Quyền chọn và quyền chọn mua 309.876 cổ phiếu phổ thông còn lại (có nghĩa là 1.859.251 cổ phiếu phổ thông trừ đi 1.549.375 cổ phiếu phổ thông) sẽ không có hiệu lực kể từ ngày ký Phụ lục 2, và không bên nào có quyền yêu cầu bên kia bồi thường cho việc không thực hiện quyền này.

Theo Phụ lục 3 sửa đổi ngày 24 tháng 12 năm 2021 ("Phụ lục 3") của Hợp đồng Quyền chọn, các bên đã đồng ý kéo dài ngày thực hiện của Thỏa thuận Quyền chọn đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần II ("ESOP II")

Công ty có ESOP II, cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu là 3.551.232 và được cấp đến hết năm 2018.

1. Kế hoạch thực hiện

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 5 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên. Các quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015 được thực hiện trong vòng 3-4 năm kể từ ngày cấp đầu tiên.

2. Các điều khoản

- (i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 20% tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Đối với quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015, tỷ lệ này là 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt).
- (ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

3. Điều kiện

- (i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.
- (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua ESOP II đã cấp và giá thực hiện trong năm được trình bày như sau:

	Năm nay		Năm trước	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	20.000	42.500	20.000	130.992
Mất quyền mua trong năm	-	-	20.000	-
Thực hiện quyền mua trong năm	20.000	(42.500)	20.000	(88.492)
Số dư tại ngày 31 tháng 12		-		42.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần III (“ESOP III”)

Công ty có ESOP III, cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 30.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu là 2.921.832 và được cấp từ tháng 7 năm 2018 đến hết năm 2023.

1. Kế hoạch thực hiện

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên.

2. Các điều khoản

(i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị).

(ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

3. Điều kiện

(i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.

(ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua ESOP III đã cấp và giá thực hiện trong năm được trình bày như sau:

	Năm nay		Năm trước	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	30.000	704.887	30.000	868.563
Cấp trong năm	30.000	389.680	30.000	187.725
Mất quyền mua trong năm	30.000	(17.837)	30.000	(26.388)
Thực hiện quyền mua trong năm	30.000	(114.150)	30.000	(325.013)
Số dư tại ngày 31 tháng 12		<u>962.580</u>		<u>704.887</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Chương trình ESOP bổ sung

Trong năm, Zion đã cấp bổ sung 23,209,447 quyền chọn cho nhân viên để mua cổ phiếu của Zion với giá là 16,720 VND/ cổ phiếu. Chi tiết quyền chọn cổ phiếu như sau

1. Kế hoạch thực hiện

Có toàn quyền thực hiện kể từ ngày cấp quyền.

2. Các điều khoản

- (i) Các quyền chọn sẽ được thực hiện trong vòng 6 tháng kể từ ngày cấp quyền.
- (ii) Chỉ được phép chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho VNG và/hoặc các công ty con của VNG. Người được chuyển nhượng sẽ có các quyền tương ứng gắn liền với các quyền chọn mua cổ phần như nhân viên đã có sau khi kết thúc giao dịch chuyển nhượng, nhưng không bị ràng buộc bởi các nghĩa vụ theo chính sách ESOP của Zion đối với các quyền chọn mua cổ phần được chuyển nhượng này.

3. Điều kiện

- (i) Chính sách có thể được sửa đổi theo thời gian

Nhân viên đã chuyển nhượng 23,209,447 quyền chọn Zion ESOP bổ sung này cho VNG để đổi lấy 423,781 cổ phần của VNG.

37. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngoại tệ:</i>		
- TWD	101.010.478	85.083.703
- USD	16.495.601	9.290.567
- MMK	7.928.300	1.562.246
- THB	5.726.664	7.521.926
- SGD	4.641.402	5.614.223
- CNY	824.686	29.472
- AUD	339.947	-
- PHP	200.000	-
- INR	330	330
- HKD	-	1.440

38. ĐIỀU CHỈNH LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một vài số liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với hình thức trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 4 tháng 1 năm 2023, Tập đoàn đã thành lập Công ty YoPlatform FZE ("YoPlatform") với tỉ lệ lợi ích là 100,00%. YoPlatform tọa lạc tại Dubai, UAE và hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ trò chơi trực tuyến.

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2023, Tập đoàn ký kết thỏa thuận với một đơn vị để chuyển đổi tất cả khoản vay có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu ưu đãi ở đơn vị này.

Vào ngày 24 tháng 4 năm 2023, Tập đoàn đã ký kết một hợp đồng vay ngắn hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam với khoản tín dụng trị giá 600 tỷ VND để tài trợ cho các mục đích chung của Tập đoàn. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và các tài sản có liên quan của Tập đoàn.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Đỗ Thị Tuyết Nhung
Người lập



Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 5 năm 2023

